

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 18/5/2026

V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Giang

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương và bà Nguyễn Thị Thu Hà

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thuỳ Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:**
Ông Nông Văn Đồi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 06/2026/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 19/2026/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2026/QĐXX-HNGĐPT ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Thu H, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Bá H1, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo nội dung bản án sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lâm Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Lê Bá H1 kết hôn năm 2011. Trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nay là xã Đại Phúc, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà chồng tại xóm Bàn Cờ, xã H, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên nay là Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị và anh H1 chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng hay cãi cọ và xảy ra xô xát nhiều lần. Anh H1 còn chơi bời, nợ nần nhiều, gia đình đã nhiều lần đi trả nợ cho

anh H1. Đến nay, anh H1 không thay đổi, chị đang nuôi con nên không có khả năng trả nợ cho anh H1. Tháng 10/2023 chị đã về nhà ngoại sinh sống, chị và anh H1 ly thân được 04 tháng, sau đó đã quay về chung sống với anh H1. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, anh H1 vẫn không chăm lo đời sống gia đình. Chị và anh H1 thường xuyên có lời nói xúc phạm lẫn nhau. Từ tháng 10/2025 cho tới nay, chị và anh H1 sống ly thân. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là Lê Ngọc Diệu A, sinh ngày 01/3/2014 và Lê Ngọc Minh A1, sinh ngày 23/6/2022. Hiện tại cháu Lê Ngọc Diệu A đang ở cùng với chị tại Xóm Đ, xã Đ; Cháu Lê Ngọc Minh A1 đang ở cùng anh H1 tại Xóm B, xã Đ. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả hai con chung. Chị cho rằng, anh H1 không đảm bảo việc nuôi con chung, mặt khác hai con của anh chị là cháu gái, việc phát triển về tâm sinh lý rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác chị đang làm nhân viên lễ tân tại Công ty Cổ phần khách sạn du lịch công đoàn Hồ Núi Cốc. Thu nhập hàng tháng 9 - 10 triệu đồng, thời gian làm việc theo ca, việc chăm sóc 02 con từ khi sinh ra đến nay đều do chị chăm sóc. Nay cháu Minh Anh đang ở cùng anh H1 tuy nhiên chủ yếu là do mẹ đẻ anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H1 cũng đi làm công nhân ít quan tâm đến con cái. Hiện tại chị thấy giáo viên của cháu Lê Ngọc Minh A1 có phản ánh việc cháu ngày càng ít nói, có biểu hiện bị tự kỷ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn là anh Lê Bá H1 trình bày:

Anh và chị Lâm Thị Thu H kết hôn năm 2011 (Như chị H đã trình bày). Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình anh tại xóm Bàn Cờ, xã H, huyện Đình Thái Nguyên nay là Xóm B, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Anh chị chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng xích mích cãi cọ nhau, chị H đã tự ý bỏ nhà đi vào tháng 10/2023, anh xác định chị H về nhà ngoại và đi làm ăn ở Campuchia. Đến tháng 01/2024 thì chị H lại trở về chung sống với gia đình anh. Đến tháng 10/2024 thì chị H lại bỏ nhà đi sang Campuchia đến tháng 12/2024 thì quay về. (Việc chị H đi sang Campuchia, anh và gia đình có biết và đã ngăn cản nhưng chị H vẫn đi). Đến tháng 10/2025 thì chị H lại tiếp tục đòi đi Campuchia, nhưng anh không đồng ý và vợ chồng xảy ra xích mích. Anh chị sống ly thân từ tháng 10/2025 cho tới nay, hiện tại chị H đang ở nhà bố mẹ đẻ tại Xóm Đ, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Lê Ngọc Diệu A, sinh ngày 01/3/2014 và Lê Ngọc Minh A1, sinh ngày 23/6/2022. Hiện tại cháu Diệu Anh đang ở cùng với chị H tại Xóm Đ, xã Đ; cháu Minh Anh đang ở cùng anh và bà nội (Mẹ đẻ anh H1) tại Xóm B, xã Đ. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu

Lê Ngọc Minh A1. Vì hiện cháu Minh Anh đang ở với anh, do anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện anh đang làm công nhân tại Công ty Núi Pháo, thu nhập hàng tháng 8,5 triệu đồng, anh khẳng định đủ điều kiện việc nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án số 19/2026/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 8, 9, 19, 51, 53, 55, 58, 68, 69, 70, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Toà án nhân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lâm Thị Thu H và anh Lê Bá H1.

2. Về nuôi con chung khi ly hôn: Giao con chung Lê Ngọc Diệu A, sinh ngày 01/3/2014 cho anh Lê Bá H1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lê Ngọc Minh A1, sinh ngày 23/6/2022 cho chị Lâm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét. Anh H1, chị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu hoặc thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2026, anh Lê Bá H1 có đơn kháng cáo một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2026/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Toà án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên về phần con chung. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giao cháu Lê Ngọc Minh A1 cho anh Lê Bá H1 và giao cháu Lê Ngọc Diệu A cho chị Lâm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Lê Bá H1 giữ nguyên nội dung đã kháng cáo và có ý kiến: Kể từ khi anh và chị H sống ly thân, con lớn của anh chị là cháu Lê Ngọc Diệu A ở cùng với chị H, còn cháu nhỏ Lê Ngọc Minh A1 ở cùng với anh H1 từ khi sinh ra cho đến nay. Anh và chị H ly hôn, để bảo đảm sự ổn định về tâm lý đối với các con của anh chị khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực

tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Minh A1; chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Diệu A sẽ tốt hơn cho các con của anh chị. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H nhất trí với ý kiến của anh H1. Anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Minh A1, chị H trực tiếp nuôi cháu Lê Ngọc Diệu A. Chị không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về phần con chung. Anh H1 phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Bá H1 làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn ngày 26/4/2011 tại UBND xã H, huyện Đĩnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn anh, chị có được tìm hiểu nhau và được sự đồng ý của 02 bên gia đình, tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, chị H và anh H1 có nhiều mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc, có nhiều lời nói xúc phạm nhau. Chị H và anh H1 đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Chị H đã khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh H1. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm anh Hiền đồng ý ly hôn với chị H. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn của chị H và anh H1 là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung là Lê Ngọc Diệu A, sinh ngày 01/3/2014 và Lê Ngọc Minh A1, sinh ngày 23/6/2022.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết và đã quyết định giao con Lê Ngọc Minh A1, sinh ngày 23/6/2022 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Lê Ngọc Diệu A, sinh ngày 01/3/2014 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh H1 kháng cáo về việc nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Bá H1 và chị Lâm Thị Thu H đã thoả thuận được với nhau về việc nuôi con chung khi ly hôn. Anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Minh A1, sinh ngày 23/6/2022, chị H trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Diệu A, sinh ngày 01/3/2014. Anh H1 và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung khi ly hôn. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm số 19/2026/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên về phần con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật. Cần được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên anh Lê Bá H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Sửa một phần bản án bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 19/2026/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thái Nguyên về việc nuôi con chung khi ly hôn. Công nhận sự thỏa thuận của anh Lê Bá H1 và chị Lâm Thị Thu H như sau:

1. Anh Lê Bá H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lê Ngọc Minh A1, sinh ngày 23/6/2022. Chị Lâm Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Lê Ngọc Diệu A, sinh ngày 01/3/2014. (Việc nuôi dưỡng con chung của Hiền và chị H cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 và chị H không yêu cầu. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H1 và chị H cho đến khi có yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Bá H1 phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) anh Lê Bá H1 đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0001162 ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 3 - Thái Nguyên;
- PTHADS khu vực 3 - Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)
Hoàng Văn Giang**

